

NGHỊ QUYẾT

**Về việc thẩm định kết quả đánh giá chất lượng
chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Công nghệ thông tin
của Trường Đại học Tây Bắc**

HỘI ĐỒNG KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

Căn cứ Thông tư số 04/2025/TT-BGDĐT ngày 17 tháng 02 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về kiểm định chất lượng chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

Căn cứ Quyết định số 685/QĐ-KĐCLGDTL ngày 04 tháng 7 năm 2025 của Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục Thăng Long về việc kiện toàn nhân sự Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục;

Căn cứ Quyết định số 1465/QĐ-KĐCLGDTL ngày 18 tháng 11 năm 2025 của Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục Thăng Long về việc điều chỉnh nhân sự Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục phiên 23 thẩm định kết quả đánh giá chất lượng 36 chương trình đào tạo của các Trường Đại học Công nghệ Giao thông vận tải, Trường Đại học Tây Bắc, Trường Khoa học liên ngành và Nghệ thuật - Đại học Quốc gia Hà Nội, Trường Cao đẳng Huế, Trường Đại học Khoa học - Đại học Thái Nguyên, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn - Đại học Quốc gia Hà Nội, Trường Đại học Kinh tế - Đại học Đà Nẵng;

Căn cứ hồ sơ thẩm định kết quả đánh giá chất lượng giáo dục chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Công nghệ thông tin của Trường Đại học Tây Bắc;

Căn cứ kết quả thẩm định của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục phiên họp thứ 23 ngày 25 và 26 tháng 11 năm 2025.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thống nhất với kết quả đánh giá chất lượng giáo dục chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Công nghệ thông tin của Trường Đại học Tây Bắc. Đoàn Đánh giá ngoài đã thực hiện đánh giá chất lượng giáo dục chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Công nghệ thông tin của Trường Đại học Tây Bắc đúng quy định hiện hành.

Kết quả đánh giá chất lượng giáo dục chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Công nghệ thông tin của Trường Đại học Tây Bắc sau thẩm định là: Số tiêu chí được đánh giá “Đạt” từ 4 điểm trở lên là 46 tiêu chí chiếm 92%, trong đó mỗi tiêu chuẩn có ít nhất 50% số tiêu chí đạt yêu cầu (Chi tiết trong Phụ lục I kèm theo Nghị quyết này).

Điều 2. Kiến nghị Trường Đại học Tây Bắc cần thực hiện các nhóm giải pháp nâng cao chất lượng giáo dục chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Công nghệ thông tin (Chi tiết trong Phụ lục II kèm theo Nghị quyết này).

Điều 3. Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục đề nghị Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục Thăng Long cấp Giấy chứng nhận kiểm định chất lượng chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Công nghệ thông tin của Trường Đại học Tây Bắc theo quy định hiện hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Hội đồng KĐCLGD;
- Trường ĐH Tây Bắc;
- Lưu: VT.

**TM. HỘI ĐỒNG
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Văn Đường



Phụ lục I
KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG

**Chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Công nghệ thông tin
của Trường Đại học Tây Bắc**

*(Kèm theo Nghị quyết số 146/NQ-HĐKĐCLGD ngày 26/11/2025
của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục)*

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Đánh giá tiêu chí	Tổng hợp theo tiêu chuẩn			Tiêu chuẩn, tiêu chí	Đánh giá tiêu chí	Tổng hợp theo tiêu chuẩn		
		Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỷ lệ số tiêu chí đạt (%)			Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỷ lệ số tiêu chí đạt (%)
Tiêu chuẩn 1					Tiêu chuẩn 7				
Tiêu chí 1.1	4	4,00	3	100	Tiêu chí 7.1	4	4,00	5	100
Tiêu chí 1.2	4				Tiêu chí 7.2	4			
Tiêu chí 1.3	4				Tiêu chí 7.3	4			
Tiêu chuẩn 2		3,67	2	66,67	Tiêu chí 7.4	4			
Tiêu chí 2.1	4				Tiêu chí 7.5	4			
Tiêu chí 2.2	3				Tiêu chuẩn 8		4,20	5	100
Tiêu chí 2.3	4	3,67	2	66,67	Tiêu chí 8.1	4			
Tiêu chuẩn 3					Tiêu chí 8.2	4			
Tiêu chí 3.1	4				Tiêu chí 8.3	4			
Tiêu chí 3.2	3	4,00	3	100	Tiêu chí 8.4	5			
Tiêu chí 3.3	4				Tiêu chí 8.5	4			
Tiêu chuẩn 4					Tiêu chuẩn 9		4,20	5	100
Tiêu chí 4.1	4	3,80	4	80	Tiêu chí 9.1	5			
Tiêu chí 4.2	4				Tiêu chí 9.2	4			
Tiêu chí 4.3	4				Tiêu chí 9.3	4			
Tiêu chuẩn 5		4,00	7	100	Tiêu chí 9.4	4			
Tiêu chí 5.1	4				Tiêu chí 9.5	4			
Tiêu chí 5.2	4				Tiêu chuẩn 10		3,83	5	83,33
Tiêu chí 5.3	3				Tiêu chí 10.1	4			
Tiêu chí 5.4	4				Tiêu chí 10.2	4			
Tiêu chí 5.5	4				Tiêu chí 10.3	4			
Tiêu chuẩn 6		4,00	7	100	Tiêu chí 10.4	4			
Tiêu chí 6.1	4				Tiêu chí 10.5	4			
Tiêu chí 6.2	4				Tiêu chí 10.6	3			
Tiêu chí 6.3	4				Tiêu chuẩn 11		4,00	4	100
Tiêu chí 6.4	4				Tiêu chí 11.1	4			
Tiêu chí 6.5	4				Tiêu chí 11.2	4			
Tiêu chí 6.6	4				Tiêu chí 11.3	4			
Tiêu chí 6.7	4				Tiêu chí 11.4	4			
					Tiêu chí 11.5	4			

Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỷ lệ số tiêu chí đạt (%)
3,96	46	92



Phụ lục II KIẾN NGHỊ CẢI TIẾN CHẤT LƯỢNG

Chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Công nghệ thông tin của Trường Đại học Tây Bắc

(Kèm theo Nghị quyết số 146/NQ-HĐKĐCLGD ngày 26/11/2025
của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục)

I. NHỮNG ĐIỂM MẠNH NỔI BẬT

Kết quả đánh giá chất lượng chương trình đào tạo (CTĐT) trình độ đại học ngành Công nghệ thông tin của Trường Đại học Tây Bắc, giai đoạn 2019 - 2024 cho thấy có những điểm mạnh cần tiếp tục phát huy như sau:

1. Mục tiêu của CTĐT được xác định rõ ràng, phù hợp với sứ mạng và tầm nhìn của Nhà trường, đáp ứng mục tiêu của Luật Giáo dục đại học. Chuẩn đầu ra của CTĐT xác định rõ các nội dung về kiến thức, kỹ năng và mức tự chủ và trách nhiệm, thể hiện được mục tiêu của CTĐT. Chuẩn đầu ra của CTĐT sau khi rà soát, đánh giá, điều chỉnh đã được công bố công khai bằng các hình thức khác nhau để các bên liên quan dễ dàng tiếp cận.

2. Bản mô tả CTĐT có đủ các thông tin theo quy định, được cập nhật những vấn đề mới thông qua hoạt động tham khảo ý kiến các bên liên quan, thực hiện đối sánh với CTĐT ngành Công nghệ thông tin của các trường đại học khác. Đề cương chi tiết của tất cả các học phần được rà soát, cập nhật, có đầy đủ thông tin cần thiết theo quy định. Bản mô tả CTĐT và đề cương các học phần được công bố công khai, các bên liên quan dễ dàng tiếp cận.

3. Chương trình dạy học được thiết kế dựa trên chuẩn đầu ra của CTĐT. Tổ hợp các phương pháp dạy học, phương pháp kiểm tra đánh giá kết quả học tập của người học của các học phần trong chương trình dạy học phù hợp và góp phần đạt được chuẩn đầu ra. Chương trình dạy học và kế hoạch đào tạo được xây dựng đảm bảo tính hợp lý và logic, từ lý thuyết đến thực hành, từ cơ bản đến chuyên sâu. Chương trình dạy học được rà soát, điều chỉnh, cập nhật theo kế hoạch của Trường, trong quá trình rà soát và cập nhật có tham khảo, đối sánh với chương trình dạy học tương ứng của một số trường đại học trong nước; một số học phần đã được điều chỉnh, bổ sung các nội dung phù hợp nhằm đáp ứng thị trường lao động, đảm bảo tính linh hoạt và tích hợp.

4. Triết lý giáo dục của Trường được tuyên bố chính thức, được công khai dưới nhiều hình thức và phổ biến đến giảng viên, người học và các bên liên quan. Các hoạt động dạy và học được thiết kế phù hợp để đạt được chuẩn đầu ra của từng học phần. Đề cương chi tiết học phần đã mô tả rõ việc sử dụng các phương pháp dạy học/học tập phù hợp nhằm thúc đẩy người học trong rèn luyện các kỹ năng mềm, kỹ năng nghề nghiệp thiết yếu, đã dành khoảng thời gian phù hợp cho người học tự học/nghiên cứu tài liệu, kết hợp với các hoạt động thực hành/thực tập, học tập trực tuyến nhằm hỗ trợ người học nâng cao năng lực học tập suốt đời.

5. Các quy định về kiểm tra đánh giá kết quả học tập của người học được quy định đầy đủ và rõ ràng bao gồm thời gian, phương pháp, tiêu chí, trọng số, cơ chế phản hồi và các nội dung liên quan. Giảng viên thực hiện chương trình dạy học đã sử dụng đa dạng các phương pháp kiểm tra đánh giá, mỗi học phần đều được đánh giá bằng các phương pháp kiểm tra đánh giá tương thích với chuẩn đầu ra. Hoạt động kiểm tra đánh giá kết quả học tập của người học được thực hiện trong suốt quá trình học tập; hình thức kiểm tra đánh giá đa dạng. Quy định về phản hồi kết quả học tập của người học cụ thể, rõ ràng. Kết quả kiểm tra, đánh giá các học phần được công bố kịp thời cho người học. Quy trình khiếu nại về kết quả học tập của người học được phổ biến đến người học. Người học hài lòng về kết quả phản hồi và không có khiếu nại nào.

6. Đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên được quy hoạch, phát triển theo mục tiêu chiến lược đáp ứng yêu cầu đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng. Tỷ lệ giảng viên có trình độ tiến sĩ trở lên đảm bảo yêu cầu CTĐT. Khối lượng công việc của giảng viên được xác định theo chức danh giảng viên và quy đổi rõ ràng từng hoạt động làm cơ sở để đánh giá, xếp loại. Năng lực của giảng viên được xác định rõ ràng cho từng chức danh giảng viên cụ thể. Nhà trường/Khoa thực hiện chặt chẽ việc quản trị công việc của giảng viên, nghiên cứu viên theo quy định. Hoạt động nghiên cứu khoa học của giảng viên CTĐT có nhiều cố gắng đáng ghi nhận.

7. Đội ngũ nhân viên được quy hoạch dựa trên dự báo nhu cầu thực tế trong hỗ trợ hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng, đáp ứng yêu cầu công việc được giao, góp phần hỗ trợ hiệu quả các hoạt động của Nhà trường. Các văn bản quy định về tuyển dụng, bổ nhiệm, luân chuyển được ban hành với các tiêu chí rõ ràng, phù hợp với các quy định của pháp luật hiện hành, được phổ biến rộng rãi thông qua nhiều kênh thông tin khác nhau nhằm đảm bảo sự tiếp cận và thực hiện thống nhất. Hệ thống văn bản quy định, hướng dẫn để đánh giá năng lực của đội ngũ nhân viên được xây dựng đầy đủ; có các tiêu chí và hướng dẫn thực hiện chi tiết về đánh giá chất lượng lao động hàng tháng và xếp loại chất lượng viên chức và người lao động hàng năm. Triển khai đánh giá hiệu quả công việc dựa trên mô tả năng lực vị trí việc làm; đội ngũ nhân viên có tham gia xây dựng, góp ý quy định đánh giá hiệu quả công việc và hài lòng với kết quả đánh giá.

8. Chính sách và quy định, tiêu chí, phương pháp tuyển sinh rõ ràng, đúng các quy định hiện hành và được công khai và cập nhật hằng năm. Số sinh viên nhập học và điểm trúng tuyển có xu hướng gia tăng trong 3 năm gần đây. Hệ thống giám sát về sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện, kết quả học tập, khối lượng học tập của người học được thiết lập. Hoạt động theo dõi sự tiến bộ của người học trong học tập và rèn luyện trên phần mềm Edusoft và phần mềm S-soft. Hoạt động tư vấn học tập, hoạt động ngoại khoá và tư vấn việc làm cho người học được tổ chức thường xuyên, đa dạng. Người học hài lòng về hoạt động tư vấn học tập, hoạt động ngoại khoá và tư vấn việc làm.

9. Hệ thống phòng làm việc của giảng viên và văn phòng khoa với đầy đủ

bàn, ghế, máy tính nối mạng, điện, ánh sáng, quạt, điều hoà, có cabin cho mỗi giảng viên. Các phòng học, hội thảo mới được trang bị bảng trượt và máy chiếu tương tác, kết nối internet đáp ứng tốt cho đào tạo và nghiên cứu khoa học. Thư viện Nhà trường có diện tích rộng, có đủ tài liệu và đáp ứng chỗ ngồi đọc cho người học, có phần mềm quản lý. Hệ thống phòng thực hành có các thiết bị cơ bản phù hợp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu, đáp ứng yêu cầu chuẩn đầu ra của ngành học. Hệ thống công nghệ thông tin như máy tính, internet và các phần mềm hỗ trợ công việc cơ bản đáp ứng yêu cầu đào tạo, nghiên cứu khoa học. Nhà trường đã ban hành một số quy định cụ thể các tiêu chuẩn về môi trường, sức khoẻ và an toàn. Trường có môi trường học tập an toàn, có quan tâm đến nhu cầu của người khuyết tật.

10. Hệ thống thu thập thông tin phản hồi và nhu cầu của các bên liên quan được thiết lập với sự tham gia của một số đơn vị trong Trường. Thông tin phản hồi và nhu cầu của các bên liên quan được thu thập, xử lý và sử dụng để thiết kế, phát triển chương trình dạy học. Quy trình thiết kế và phát triển CTĐT và chương trình dạy học của Trường được thiết lập, được triển khai thực hiện; được rà soát đánh giá và cải tiến. Hoạt động dạy học, kiểm tra đánh giá của giảng viên đối với người học và chất lượng các dịch vụ hỗ trợ của thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác được quy định rõ ràng, được đánh giá làm cơ sở cải tiến, nâng cao chất lượng. Giảng viên, nghiên cứu viên tham gia thực hiện CTĐT có một số đề tài nghiên cứu khoa học liên quan đến hoạt động dạy và học, có nhiều bài báo công bố trên các tạp chí khoa học quốc tế và trong nước có nội dung được truyền tải thành nội dung giảng dạy và cải tiến hoạt động giảng dạy của giảng viên và hoạt động học tập của người học.

11. Nhà trường thực hiện tương đối tốt công tác giám sát, thống kê tỷ lệ sinh viên thôi học, tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp và tính thời gian tốt nghiệp trung bình của sinh viên các khoá đã tốt nghiệp. Tỷ lệ sinh viên thôi học giảm rõ rệt từ 42,3% xuống 7,7% và tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp đúng hạn được duy trì ở mức cao (72,2%). Tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp có việc làm cao, đạt 94,7% và đã có gần 8% sinh viên tự tạo được việc làm. Kết quả nghiên cứu khoa học của sinh viên có chiều hướng tốt với số đề tài nghiên cứu khoa học và số sinh viên tham gia tăng dần. Hoạt động khảo sát sự hài lòng của các bên liên quan được triển khai định kỳ và một số kết quả khảo sát đã được phân tích, đối sánh để đề xuất giải pháp và triển khai thực hiện cải tiến chất lượng.

II. KIẾN NGHỊ

Tuy nhiên, CTĐT còn những điểm tồn tại cần khắc phục (Chi tiết như đã nêu trong Báo cáo đánh giá ngoài của đoàn Đánh giá ngoài). Trên cơ sở hồ sơ thẩm định và kết quả thảo luận tại phiên họp, Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục kiến nghị Nhà trường cần xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng theo 11 nhóm giải pháp sau đây:

1. Khảo sát lấy ý kiến rộng rãi của các bên liên quan làm cơ sở cập nhật mục tiêu của CTĐT và chuẩn đầu ra của CTĐT; định kỳ thực hiện việc thu thập thông tin từ các bên liên quan với số lượng mẫu đủ lớn, nhất là cựu người học và

nhà tuyển dụng; phân tích kết quả khảo sát yêu cầu từ các vị trí việc làm từ các nhà sử dụng lao động làm cơ sở cập nhật, điều chỉnh chuẩn đầu ra và CTĐT.

2. Thường xuyên rà soát, cập nhật nội dung Bản mô tả CTĐT; rà soát, điều chỉnh chuẩn đầu ra của các học phần, thể hiện rõ theo các cấp độ tư duy để có thể đo lường được; phân bổ đầy đủ thời gian tự học theo các chương/mục trong đề cương chi tiết học phần; có sự nhất quán giữa ma trận thể hiện sự đóng góp của các học phần với chuẩn đầu ra của CTĐT và ma trận chuẩn đầu ra của học phần với chuẩn đầu ra của CTĐT; có giải pháp phù hợp để các bên liên quan, nhất là những đối tượng ngoài Trường tiếp cận với các đề cương học phần một cách thuận tiện nhất.

3. Khảo sát đánh giá mức độ phù hợp của các phương pháp dạy học, phương pháp kiểm tra đánh giá đối với mỗi học phần để đưa ra những điều chỉnh, đổi mới trong chương trình dạy học góp phần đạt được chuẩn đầu ra của học phần và chuẩn đầu ra của CTĐT; rà soát, đánh giá mức độ đóng góp của các học phần vào chuẩn đầu ra của CTĐT, đánh giá sự tương thích giữa nội dung học phần với mức đóng góp vào chuẩn đầu ra của CTĐT; điều chỉnh mức độ đóng góp của các học phần thuộc kiến thức chung, các học phần bắt buộc và học phần tự chọn vào chuẩn đầu ra của CTĐT, xác định đầy đủ mức đóng góp của học phần Thực tập cuối khoá và Đồ án tốt nghiệp trong ma trận chuẩn đầu ra đáp ứng các chuẩn đầu ra của CTĐT; thực hiện đối sánh sâu về nội dung phương pháp dạy học và phương pháp kiểm tra đánh giá của từng học phần trong chương trình dạy học của các cơ sở giáo dục đại học khác, điều chỉnh và hoàn thiện các học phần thuộc chương trình dạy học.

4. Thường xuyên tổ chức khảo sát các bên liên quan về khả năng vận dụng triết lý giáo dục vào các hoạt động chuyên môn của cán bộ, giảng viên, nhân viên và sinh viên để từ đó có giải pháp phổ biến/quán triệt triết lý giáo dục phù hợp với từng nhóm đối tượng; tổ chức các hội nghị, hội thảo về đổi mới hoạt động dạy học/ phương pháp dạy học với sự tham gia của các chuyên gia trong lĩnh vực công nghệ thông tin, giảng viên có kinh nghiệm của các trường đại học có uy tín để đánh giá hiệu quả của từng hoạt động dạy học/phương pháp dạy học đối với từng học phần, xây dựng các hoạt động dạy học/phương pháp dạy học đa dạng, phù hợp nhằm đạt được chuẩn đầu ra của CTĐT; có hướng dẫn và có giải pháp để quản lý, giám sát hiệu quả việc tự học, tự nghiên cứu của người học.

5. Tổ chức đánh giá mức độ đáp ứng yêu cầu, sự phù hợp của từng phương pháp kiểm tra đánh giá kết quả học tập đối với mỗi học phần về mức độ đạt chuẩn đầu ra của người học để có các biện pháp cải tiến; bổ sung quy định về thời gian trả kết quả thi kết thúc học phần của người học vào quy chế kiểm tra đánh giá để các đơn vị liên quan phản hồi kết quả học tập cho người học kịp thời; có giải pháp cụ thể đánh giá sự phù hợp của phương pháp đánh giá với đặc thù của từng học phần; sử dụng công nghệ hiện đại để phân tích kết quả thi các học phần và đánh giá độ giá trị, độ tin cậy của các đề thi hết học phần; tổ chức xây dựng ngân hàng câu hỏi thi kết thúc học phần để đề thi được chuẩn hóa, đảm bảo khách quan, công bằng và góp phần nâng cao chất lượng đào tạo; tăng cường sử dụng phương pháp

phù hợp hoặc qua hệ thống của đội ngũ giáo viên cố vấn học tập/giảng viên giảng dạy các học phần để giám sát, đánh giá một cách rõ ràng việc cải thiện kết quả học tập của sinh viên từ thông tin phản hồi kịp thời về kết quả đánh giá cả quá trình và kết thúc học phần; rà soát lại các văn bản quy định về kiểm tra đánh giá kết quả học tập của người học để bổ sung đầy đủ các thông tin về thời hạn trả kết quả phúc khảo bài thi.

6. Có giải pháp phù hợp để thu hút và ổn định đội ngũ giảng viên có trình độ cao của Khoa và ngành Kế toán; ban hành quy định đánh giá năng lực giảng viên, nghiên cứu viên và tiến hành tổ chức đánh giá đầy đủ, rõ ràng các năng lực của giảng viên nhằm các mục đích khác nhau; thiết kế các tiêu chí đánh giá giảng viên sát với các năng lực đã được xác định và lượng hóa các tiêu chí để có thể đo lường được; tổ chức tổng kết, rút kinh nghiệm hoạt động đào tạo, bồi dưỡng giảng viên và có kế hoạch hoạt động khoa học dài hạn theo mục tiêu trong Chiến lược để nâng cao thành tích nghiên cứu khoa học.

7. Dự báo xu hướng đào tạo, quy mô sinh viên làm cơ sở lập kế hoạch phát triển đội ngũ nhân viên phù hợp cho từng giai đoạn; cụ thể hoá các tiêu chí tuyển dụng, phản ánh đầy đủ các yêu cầu về năng lực cho từng vị trí việc làm, bổ sung các tiêu chí liên quan đến năng lực số, khả năng ứng dụng công nghệ; xây dựng công cụ hỗ trợ trong việc đánh giá công việc của đội ngũ nhân viên, xây dựng bộ tiêu chí đánh giá có tính định lượng về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ, mức độ hoàn thành nhiệm vụ theo vị trí công việc; tổ chức đánh giá hiệu quả công tác đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ nhân viên; cải tiến việc xây dựng kế hoạch, đăng ký thi đua hằng năm của đội ngũ nhân viên để giám sát, đánh giá chất lượng, hiệu quả công việc.

8. Khảo sát, đánh giá nhu cầu đào tạo nguồn nhân lực hằng năm làm căn cứ xác định chỉ tiêu tuyển sinh phù hợp; phân tích, đối sánh chất lượng học tập của người học theo các phương thức tuyển sinh khác, đánh giá hiệu quả từng phương thức tuyển sinh, tổ hợp xét tuyển; triển khai lịch sinh hoạt lớp định kỳ đối với các cố vấn học tập; đánh giá hoạt động cố vấn học tập làm căn cứ cải tiến chất lượng; bổ sung tính năng cảnh báo tự động đối với những trường hợp sinh viên bị cảnh báo học vụ, chậm tiến độ, thôi học để theo dõi, giám sát một cách dễ dàng; với các nhà sử dụng lao động để có thêm thông tin về cơ hội việc làm cho sinh viên; thành lập bộ phận tư vấn học đường và công tác xã hội trong trường học; khảo sát, đánh giá chất lượng, hiệu quả các hoạt động tư vấn học tập, hỗ trợ việc làm và các hoạt động tư vấn hỗ trợ/hoạt động ngoại khóa khác, môi trường tâm lý, xã hội và cảnh quan trong Trường.

9. Có kế hoạch sắp xếp phòng học phù hợp cho các học phần; đầu tư, khai thác hiệu quả tiềm năng của Trung tâm Thông tin - Thư viện; tăng cường liên kết thư viện của Trường với thư viện các trường đại học trong và ngoài nước; rà soát trang thiết bị các phòng thực hành, bổ sung, sửa chữa, mua mới máy tính; cập nhật, nâng cấp phần mềm và trang thiết bị chuyên ngành đáp ứng tốt hơn nhu cầu học tập và nghiên cứu của người học; bổ sung các phần mềm, ứng dụng và khai thác hiệu quả các hệ thống công nghệ thông tin trong quản lý, quản trị và các hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học có tính hệ thống và đồng bộ; có lộ trình triển

khai đề án chuyển đổi số, bổ sung trang thiết bị công nghệ thông tin đáp ứng tốt hơn nhu cầu đào tạo, nghiên cứu khoa học; ban hành quy định các tiêu chí về môi trường, sức khỏe và an toàn của Trường theo quy định hiện hành; tổ chức định kỳ khám sức khỏe, thực hiện tư vấn tâm lý cho người học; khảo sát đa dạng các bên liên quan về sự hài lòng đối với hệ thống cơ sở vật chất phục vụ CTĐT.

10. Rà soát quy định và hệ thống thu thập thông tin phản hồi và nhu cầu của các bên liên quan, bổ sung các đơn vị liên quan trực tiếp đến hoạt động thiết kế và phát triển CTĐT, chương trình dạy học; chú trọng thu thập thông tin về nhu cầu đào tạo và yêu cầu về năng lực làm cơ sở rà soát, điều chỉnh và phát triển CTĐT và chương trình dạy học; xây dựng và ban hành quy định về quy trình thiết kế, phát triển CTĐT, chương trình dạy học nâng cao tính pháp lý, khả năng áp dụng dài hạn; đánh giá sự tương thích và mức độ phù hợp các phương pháp dạy học và phương pháp kiểm tra đánh giá với chuẩn đầu ra của học phần; đa dạng hoá tiêu chí đánh giá hoạt động đánh giá kết quả học tập của giảng viên đối với người học; kết hợp hài hòa giữa nghiên cứu chuyên sâu và thiết kế phát triển CTĐT, chương trình dạy học, nâng cao số lượng, tỷ lệ đề tài nghiên cứu phát triển CTĐT, chương trình dạy học, đổi mới phương pháp dạy học và đánh giá kết quả học tập của CTĐT; rà soát quy định tổ chức khảo sát ý kiến phản hồi của cán bộ, giảng viên và người học về chất lượng các dịch vụ hỗ trợ, điều chỉnh tiêu chí, thang đánh giá, định kỳ đánh giá đầy đủ chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích của phòng thực hành và hệ thống công nghệ thông tin, tách riêng kết quả đánh giá cho CTĐT; rà soát, ban hành mới các quy định về cơ chế phản hồi của các bên liên quan: Quy định về hệ thống bảo đảm chất lượng nội bộ, các quy định về khảo sát các bên liên quan tăng cường kết nối giữa các bên liên quan bên trong và bên ngoài Trường trong việc thu thập, xử lý, chia sẻ và sử dụng thông tin phản hồi.

11. Có giải pháp hiệu quả hơn để giảm số sinh viên thôi học để đáp ứng chuẩn cơ sở giáo dục và quan tâm hơn đến số sinh viên chậm tốt nghiệp; nâng cấp phần mềm quản lý đào tạo để việc giám sát, thống kê số sinh viên thôi học, tốt nghiệp và tính thời gian tốt nghiệp trung bình được thuận lợi và chính xác hơn; khai thác hiệu quả hơn kết quả khảo sát việc làm của sinh viên sau tốt nghiệp để tăng số sinh viên có việc làm phù hợp với chuyên môn được đào tạo, nâng cao chất lượng tuyển sinh và điều chỉnh CTĐT; hoàn chỉnh quy định về hoạt động khảo sát sự hài lòng của các bên liên quan; hằng năm, nên có hội nghị chuyên đề tổng kết đánh giá toàn diện về công tác khảo sát sự hài lòng của các bên liên quan để cải tiến quy trình, công cụ khảo sát, giám sát và đánh giá kết quả cải tiến sau khảo sát.

Trên đây là những kiến nghị của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục với 11 nhóm giải pháp, Nhà trường cần nghiên cứu kỹ Báo cáo đánh giá ngoài của đoàn Đánh giá ngoài để xây dựng kế hoạch với những giải pháp cụ thể và triển khai thực hiện cải tiến chất lượng chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Công nghệ thông tin của Nhà trường. Sau nửa chu kỳ kiểm định chất lượng giáo dục (vào thời điểm 2,5 năm sau khi được công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục), Nhà trường cần có báo cáo kết quả thực hiện cải tiến chất lượng chương trình đào tạo gửi Bộ Giáo dục và Đào tạo và Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục Thăng Long theo quy định hiện hành./.